

ĐÀO TẠO NGHỀ CHO LAO ĐỘNG THẤT NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

TS. Lê Xuân Cừ

Trường Đại học Lao động - Xã hội

lecu@ulsa.edu.vn

ThS. Nguyễn Thị Nga (78)

Trường Đại học Lao động - Xã hội

nguyenthinga19782012@gmail.com

ThS. Đinh Quốc Tuyền

Trường Đại học Lao động - Xã hội

dingquoctuyendlx@gmail.com

Tóm tắt: Những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của các khu công nghiệp ở Ninh Bình dẫn đến nhu cầu về nhân lực cao, nhiều lao động chưa qua đào tạo được tuyển dụng làm các công việc phổ thông, đơn giản nên khả năng bị đào thải lớn. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 đã làm cho nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc thu hẹp sản xuất, số lượng người lao động bị thất nghiệp tăng nhanh. Đây là thách thức rất lớn đối với chính quyền địa phương, đặc biệt là ngành Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình trong việc đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả trên cơ sở các dữ liệu thứ cấp và sơ cấp để tiến hành phân tích một số nội dung phản ánh thực trạng hoạt động đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiệu quả đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp của tỉnh Ninh Bình được đánh giá ở mức thấp với điểm bình quân từ 2,35 đến 2,97. Kết quả này là căn cứ để nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Từ khóa: Đào tạo; đào tạo nghề; lao động; lao động thất nghiệp

VOCATIONAL TRAINING FOR UNEMPLOYED WORKERS IN NINH BINH PROVINCE

Abstract: The swift expansion of industrial parks in Ninh Binh in recent years has resulted in a significant demand for human resources. Many workers, however, lack the necessary training and are often employed in basic and unskilled positions, leading to a high likelihood of job turnover. Furthermore, the repercussions of the Covid-19 pandemic have led to the closure or downsizing of numerous businesses, resulting in a rapid increase in unemployment. This situation presents a considerable challenge for local authorities, particularly for the Labor, Invalids, and Social Affairs sector in Ninh Binh province, as they strive to provide vocational training for those who are unemployed. In this research, the authors employed descriptive statistical techniques utilizing both secondary and primary data to examine various aspects indicative of the current state of vocational training initiatives for unemployed individuals. The findings reveal that the effectiveness of vocational training for unemployed workers in Ninh Binh province is rated at a low level, with an average score ranging from 2.35 to 2.97. This outcome serves as a foundation for

the research team to recommend several strategies aimed at enhancing the effectiveness of vocational training for unemployed workers in Ninh Binh province.

Keywords: Training; vocational training; workers; unemployed workers

Mã bài báo: JHS - 208

Ngày nhận bài sửa: 12/07/2024

Ngày nhận bài: 20/06/2024

Ngày duyệt đăng: 20/07/2024

Ngày nhận phản biện: 02/07/2024

1. Đặt vấn đề

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh chóng từ nông nghiệp sang công nghiệp, dịch vụ ở các địa phương trên cả nước nói chung và tỉnh Ninh Bình. Sự phát triển nhanh chóng của các khu công nghiệp ở Ninh Bình dẫn đến nhu cầu về nhân lực cao, nhiều lao động chưa được qua đào tạo, được tuyển dụng làm các công việc phổ thông, đơn giản nên khả năng bị đào thải lớn. Quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế cũng đã làm cho diện tích đất nông nghiệp phục vụ sản xuất bị thu hẹp do tỉnh Ninh Bình thu hồi để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đã làm cho một bộ phận lao động khu vực nông thôn bị mất việc làm do không có đất sản xuất. Trình độ học vấn thấp cũng là nguyên nhân làm cho lao động khu vực nông thôn không tìm được việc làm tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Trước thực trạng này, tỉnh Ninh Bình đã triển khai các biện pháp hỗ trợ người lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động. Trung tâm Dịch vụ việc làm của tỉnh đa dạng các hình thức hoạt động, phù hợp với điều kiện thực tiễn nhằm tăng cường công tác tư vấn, kết nối, hỗ trợ việc làm, tư vấn học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (2022), số người thất nghiệp của tỉnh Ninh Bình năm 2018 là cao nhất với 9.332 người tương ứng với tỷ lệ thất nghiệp là 1,36%. Tuy nhiên, số người thất nghiệp giảm mạnh vào năm 2019 chỉ còn 3.024 người. Sự ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã làm cho số người thất nghiệp của tỉnh Ninh Bình năm 2020 tăng mạnh so với năm 2019. Theo đó, số người thất nghiệp năm 2020 là 7.665 người, tăng người 4.641 người so với năm 2019. Năm 2021, số người thất nghiệp là 6.530, giảm 1.135 người so với năm 2020. Nguyên nhân là do tỉnh Ninh Bình đã có nhiều giải pháp để hỗ trợ cho người lao động thất nghiệp bị ảnh hưởng do dịch Covid-19 tìm kiếm việc làm: tư vấn việc làm, đào tạo nghề ngắn hạn miễn phí cho người lao động... Sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức trong tỉnh đã bắt đầu hoạt động trở lại, người lao động đã

quay trở lại tìm việc kết hợp các biện pháp giảm, cơ chế giảm tỷ lệ thất nghiệp mà tỉnh đang áp dụng. Bởi vậy, tỷ lệ thất nghiệp năm 2022 của tỉnh Ninh Bình là 1,32%, giảm nhẹ 0,02% so với năm 2021. Năm 2023, tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh Ninh Bình là 1,28%, giảm 0,04% so với năm 2022.

2. Cơ sở lý luận về đào tạo nghề và lao động thất nghiệp

2.1. Đào tạo và đào tạo nghề

2.1.1. Đào tạo

Theo Tổ chức Lao động quốc tế (2007), đào tạo là những hoạt động chủ yếu nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng và thái độ cần cho việc làm trong một nghề, nhóm nghề có liên quan hoặc cho việc thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực nào đó hoặc trong hoạt động kinh tế. Quân và nnk (2012), đào tạo được hiểu là các hoạt động học tập nhằm giúp cho người lao động có thể thực hiện có hiệu quả hơn chức năng nhiệm vụ của mình. Như vậy, *đào tạo có thể được hiểu là quá trình học tập của người lao động để nắm vững hơn về công việc của mình, là những hoạt động để nâng cao trình độ, kỹ năng của người lao động để thực hiện nhiệm vụ lao động có hiệu quả hơn.*

2.1.2. Đào tạo nghề

Giáo dục và đào tạo nghề nghiệp hay giáo dục kỹ thuật và đào tạo nghề (đều được hiểu chung là đào tạo nghề. Đào tạo nghề là giáo dục và đào tạo nhằm mục đích trang bị cho mọi người kiến thức, bí quyết, kỹ năng hoặc năng lực cần thiết trong các ngành nghề cụ thể hoặc rộng hơn là thị trường lao động (Cedefop, 2015). Đào tạo nghề là thuật ngữ nâng cao chất lượng nguồn lao động. Cầu & Chánh (2008), đào tạo nghề là đào tạo nguồn nhân lực, là quá trình trang bị kiến thức nhất định về chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động để họ có thể đảm nhận được một số công việc nhất định. Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), đào tạo nghề nghiệp là hoạt động dạy và học nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khóa học hoặc để nâng cao trình độ nghề nghiệp.

Như vậy, đào tạo nghề có thể được hiểu là là hoạt động trang bị năng lực (kiến thức, kỹ năng và thái độ) hành nghề cho người lao động để người lao động có thể hành nghề hoặc tự tạo việc làm.

2.2. Thất nghiệp và lao động thất nghiệp

2.2.1. Thất nghiệp

Thất nghiệp là một khái niệm đã xuất hiện từ rất lâu và ngày nay đã trở thành phổ biến trong nền kinh tế thị trường. Theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), thất nghiệp là tình trạng tồn tại khi một số người trong độ tuổi lao động muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành. Luật Lao động (2019) quy định người thất nghiệp là những người trong lực lượng lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức tiền lương tối thiểu. Người thất nghiệp là những người từ 15 tuổi đến 60 tuổi đối với nam, đến 55 tuổi đối với nữ, làm việc theo hợp đồng lao động, có nhu cầu làm việc, vì những lý do khác nhau không có việc làm và đang đi tìm việc làm trong tuần lễ điều tra. Theo đó, ở Việt Nam người được coi là thất nghiệp bao gồm người lao động đang làm việc bị mất việc; người lao động mới đến tuổi lao động, học sinh, sinh viên mới tốt nghiệp hoặc thôi học nhưng chưa tìm được việc làm; bộ đội xuất ngũ, thanh niên xung phong hết nghĩa vụ quân sự, người lao động đi xuất khẩu lao động về nước muốn làm việc nhưng chưa có việc làm; những đối tượng sau thời gian quân giáo hoặc chữa trị bệnh đang có nhu cầu về việc làm; những người nghỉ việc tạm thời, không có thu nhập do tính thời vụ sản xuất. Như vậy, thất nghiệp có thể được hiểu là tình trạng những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, đang tích cực tìm việc làm nhưng chưa tìm được việc làm theo nhu cầu, đã đăng ký ở các cơ sở quản lý lao động xã hội.

2.2.2. Lao động thất nghiệp

Theo tài liệu điều tra lao động việc của Tổng cục Thống kê (2023), khái niệm lao động thất nghiệp được hiểu là những người từ đủ 15 tuổi trở lên thuộc nhóm dân số hoạt động kinh tế mà trong tuần lễ điều tra không có việc làm nhưng có nhu cầu làm việc và sẵn sàng làm việc nhưng không tìm được việc làm, được xác định trên các yếu tố sau: (1) có hoạt động đi tìm việc làm trong 4 tuần qua; hoặc không có hoạt động đi tìm việc làm trong 4 tuần qua vì các lý do không biết tìm việc ở đâu hoặc tìm mãi mà không được. (2) Hoặc trong tuần lễ trước điều tra có tổng số giờ làm việc dưới 8 giờ. Muốn làm thêm nhưng không tìm được việc.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định tính kết hợp với phân tích định lượng để đánh giá thực trạng đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Cụ thể:

Đối với phương pháp phân tích định tính, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu. Theo phương pháp này, nghiên cứu sẽ tiến hành thu thập, tổng hợp và phân tích các công trình nghiên cứu trước đó có liên quan đến lao động thất nghiệp của Việt Nam và trên thế giới. Các thông tin này là cơ sở để nghiên cứu xây dựng khung lý thuyết về đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp.

Đối với phương pháp phân tích định lượng, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích thực trạng về hoạt động đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Nguồn dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này gồm:

Nguồn dữ liệu thứ cấp: nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin về thực trạng lao động thất nghiệp và hoạt động đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn 2016-2023.

Nguồn dữ liệu sơ cấp: nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin của 901 lao động thất nghiệp tại 3 huyện và 1 thành phố của tỉnh Ninh Bình gồm: huyện Gia Viễn, huyện Nho Quan, huyện Yên Khánh và thành phố Ninh Bình. Các đối tượng lao động thất nghiệp được khảo sát gồm: lao động thất nghiệp do doanh nghiệp cho thôi việc, bị nhà nước thu hồi đất sản xuất và lao động hoàn thành nghĩa vụ quân sự). Để đảm bảo tính đại diện, các lao động tham gia khảo sát được nhóm nghiên cứu căn cứ vào một số tiêu chí: độ tuổi, ngành nghề, khu vực.

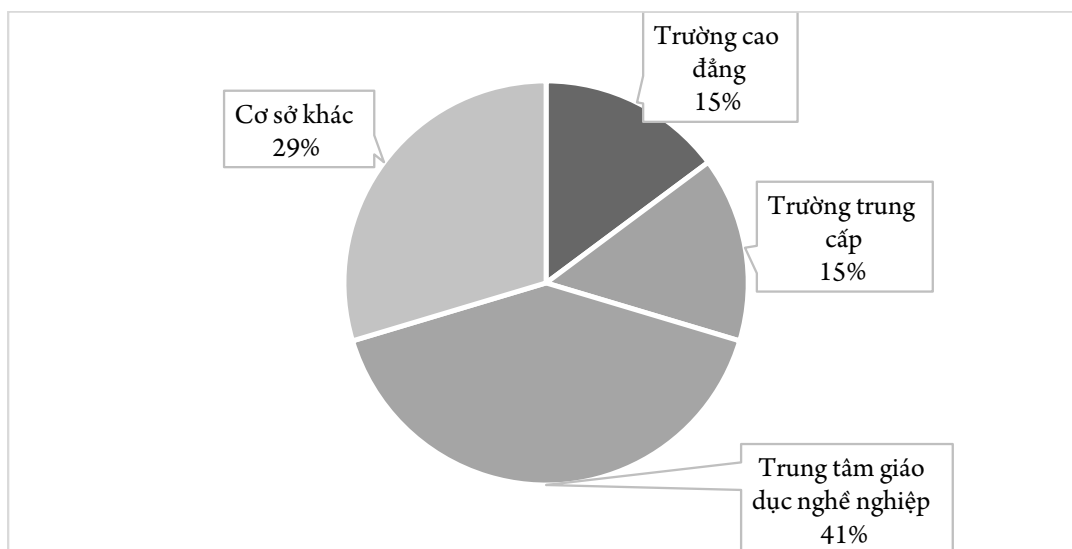
4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

4.1.1. Số lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và quy mô tuyển sinh

Tính đến tháng 12/2023, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có 27 cơ sở giáo dục nghề nghiệp đang hoạt động, trong đó có 19 cơ sở công lập và 8 cơ sở tư thực. Bao gồm: 4 trường cao đẳng (3 trường do Bộ ngành quản lý, 1 trường do UBND tỉnh quản lý); 4 trường trung cấp (2 trường công lập; 2 trường tư thực); 11 trung tâm giáo dục nghề nghiệp (9 trung tâm công lập, 2 trung tâm tư thực) và 8 cơ sở khác có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp (3 cơ sở công lập, 5 cơ sở tư thực).

Hình. 1: Tỷ lệ các cơ sở đào tạo nghề tính đến tháng 12 năm 2023 (%)



Nguồn: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình

Quy mô tuyển sinh năm 2023 là 21.672 học sinh, sinh viên, học viên (tại các trường cao đẳng: 9.232 sinh viên, tại các trường trung cấp: 4.495 học sinh, tại các trung tâm và cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác: 7.945 học viên). Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện đào tạo 3 cấp trình độ (cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên); hình thức tuyển sinh, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp được thực hiện linh hoạt, nhiều đợt trong năm theo hình thức xét tuyển tạo điều kiện thuận lợi cho người dân có nhiều cơ hội vào học nghề.

Căn cứ theo quy định hiện hành của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), các trường đã tổ chức xây dựng, biên soạn, thẩm định chương trình, giáo trình với thời gian đào tạo ở từng trình độ cụ thể: trình độ cao đẳng từ 2,5 năm đến 3 năm; trình độ trung cấp từ 1,5 năm đến 2 năm, trình độ sơ cấp là 3 tháng; trình độ liên thông từ trung cấp lên cao đẳng là 1 năm.

4.1.2. Cơ sở vật chất, thiết bị cho đào tạo nghề, giáo dục nghề nghiệp

* Về diện tích đất

Diện tích quy mô các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cơ bản đáp ứng theo quy định và từng bước được điều chỉnh để đáp ứng với quy mô đào tạo theo từng giai đoạn nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chưa đảm bảo các điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề

nghiệp theo quy định. Tỉnh Ninh Bình hiện nay có 1 trường cao đẳng và 1 trường trung cấp không đảm bảo đủ diện tích tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 143/2016/NĐ-CP và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP và Nghị định số 24/2022/NĐ-CP phần lớn là do đơn vị được thành lập trước khi Nghị định số 143/2016/NĐ-CP và Nghị định số 140/2018 có hiệu lực.

* Về nhà xưởng, phòng học lý thuyết, sân chơi, bãi tập và các điều kiện cơ sở vật chất khác

Hiện nay, cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có 479 phòng học, 310 xưởng thực hành, 5 nhà xưởng thực hành công nghệ cao và 15 thư viện, 640 phòng ký túc xá, hệ thống phòng học, ký túc xá nhà ăn được sửa chữa và nâng cấp thường xuyên... cơ bản đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo cơ bản. Hầu hết các trường cao đẳng, trường trung cấp đều có 1 thư viện. Tuy nhiên, diện tích thư viện còn rất hạn chế, đầu sách chưa phong phú, chưa đa dạng; do đó, việc cung cấp thông tin, tài liệu tham khảo cho nhu cầu nghiên cứu, học hỏi của các nhà giáo và học sinh, sinh viên chưa cao. Đối với các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục thường xuyên cơ bản không có thư viện cho nhà giáo và học sinh, học viên giáo dục nghề nghiệp.

Trang thiết bị phục vụ đào tạo các ngành nghề trình độ cao đẳng, trung cấp tại các trường của trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và trường công lập của tỉnh hầu hết đáp ứng được theo danh mục thiết bị

tối thiểu theo quy định. Giai đoạn 2016-2020, thụ hưởng nguồn kinh phí từ dự án: “Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp”, đầu tư thiết bị cho các ngành nghề trọng điểm như: điện công nghiệp, công nghệ ô tô, cắt gọt kim loại, kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, vận hành máy thi công nền và kỹ thuật chế biến món ăn, may thời trang... Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh cơ bản hiện đại, đạt chuẩn theo quy định, đảm bảo công tác giảng dạy và đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao chất lượng đào tạo.

4.1.3. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, người dạy nghề

* Đội ngũ cán bộ quản lý của cơ quan quản lý nhà nước

Hiện nay, cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 18 người (Trong đó: có 06 người là nữ; 18 người đều là biên chế). Cụ thể:

- Cấp tỉnh (Phòng Lao động Việc làm - Giáo dục nghề nghiệp thuộc Sở LĐTBXH) có 2 người chuyên trách.

- Cấp huyện (Phòng LĐTBXH các huyện thành phố) có 16 người đều là cán bộ kiêm nhiệm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp các cấp luôn được quan tâm đẩy mạnh nhằm thiết lập được đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý đáp ứng tiêu chuẩn theo từng vị trí để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp. Tuy nhiên, do số lượng biên chế ít, công việc nhiều, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm chưa nhiều nên hiệu quả công việc chưa cao.

* Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, người dạy nghề tại các cơ sở đào tạo nghề, giáo dục nghề nghiệp

- Về cơ cấu, số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, người dạy nghề so với quy định và nhu cầu thực tế

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp (GDNN) các cấp luôn được quan tâm đẩy mạnh nhằm thiết lập được đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả công tác GDNN trên địa bàn tỉnh. Đội ngũ cán bộ quản lý tại các cơ sở GDNN (bao gồm đội ngũ cán bộ, trưởng phó phòng khoa, bộ môn trở lên) là 192 người (trong đó: 2 người có trình độ

tiến sĩ, 119 người có trình độ thạc sĩ, 61 người trình độ đại học, 10 người trình độ cao đẳng, trung cấp). Đội ngũ cán bộ quản lý GDNN tại các cơ sở GDNN thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý đáp ứng tiêu chuẩn theo từng vị trí chức vụ, đảm bảo đáp ứng cho công tác quản lý GDNN. Tính đến tháng 3/2023, có 816 nhà giáo tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh (trong đó nhà giáo giảng dạy trong các trường cao đẳng là 401 người, các trường trung cấp là 171 người, các trung tâm GDNN là 189 người và tại các cơ sở khác có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp là 55 người); về trình độ đào tạo của đội ngũ nhà giáo có: 247 người có trình độ trên đại học, 407 người có trình độ đại học, 162 người trình độ cao đẳng, trung cấp và trình độ khác (công nhân kỹ thuật, bậc, thợ). Tỷ lệ giảng viên, giáo viên đạt chuẩn theo quy định là 100%. Đội ngũ giảng viên, giáo viên tại các trường cao đẳng cơ bản đáp ứng được theo tiêu chí trường chất lượng cao. Số lượng cán bộ quản lý và nhà giáo ở các trường cao đẳng cơ bản đáp ứng được nhu cầu đào tạo, còn ở các trường trung cấp và trung tâm, nhất là các trung tâm GDNN - GDTX còn thiếu về cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, người dạy nghề

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên GDNN trên địa bàn tỉnh đã tăng nhanh về quy mô và chất lượng để từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động GDNN. Hàng năm, Tổng cục GDNN, Sở LĐTBXH, các địa phương và cơ sở GDNN phối hợp, thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo để đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn, năng lực cho từng vị trí công tác (Tổng cục GDNN tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng về quản lý GDNN cho 146 cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Sở LĐTBXH tổ chức tập huấn cho 1997 cán bộ quản lý GDNN cấp huyện, xã và cơ sở GDNN triển khai thực hiện các nội dung, chương trình, dự án về đào tạo nghề, hướng dẫn, trao đổi và nắm bắt các kỹ năng nghiệp vụ công tác quản lý giáo dục nghề nghiệp, tổ chức triển khai các văn bản, chính sách mới của trung ương và địa phương về công tác GDNN). Ngoài ra, các cơ sở GDNN đã quan tâm bố trí cho đội ngũ nhà giáo GDNN tham gia các khóa đào tạo chuẩn hóa kỹ năng thực hành nghề, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề theo tiêu chuẩn của các nước tiên tiến như Malaysia,

Úc, Đức..., bảo đảm năng lực giảng dạy chương trình đào tạo nghề trọng điểm. Mặt khác, các cơ sở GDNN đã thực hiện đúng chính sách đối với cán bộ quản lý như công tác bổ nhiệm, chế độ phụ cấp chức vụ và các chế độ, phụ cấp khác, chi trả công tác phí khi đi công tác.

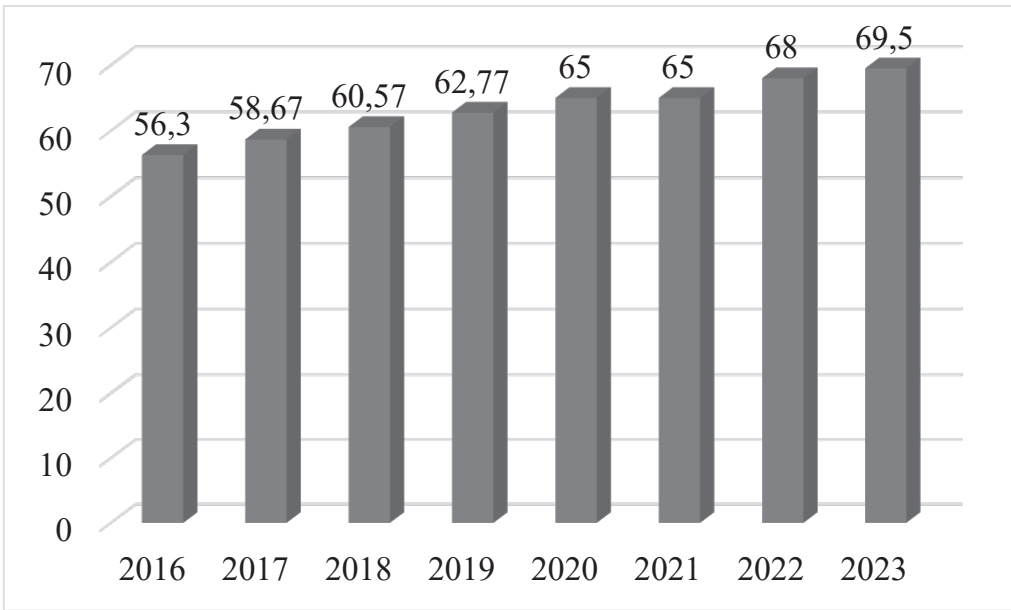
4.2. Thực trạng đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

4.2.1. Về số lượng

Các chương trình, đề án, kế hoạch về giải quyết việc làm, phát triển thị trường lao động, đào tạo nghề cho lao động, nhất là lao động nông thôn được thực hiện có hiệu quả. Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh Ninh Bình đã giải quyết việc làm cho trên 106 nghìn

người. Trong đó, xuất khẩu lao động 6.033 người, vượt 20.66%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề của tỉnh Ninh Bình đều có xu hướng tăng. Cụ thể, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của tỉnh giai đoạn 2016 đến 2020 tăng đều qua các năm từ 56.3% năm 2016 lên đến 65% trong năm 2019 và 2020. Năm 2021, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề là 66.5%. Năm 2022, tỷ lệ này là 68%. Năm 2023, tỷ lệ này tăng so với năm 2022 là 1,5%. Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề qua các năm đều tăng lên đã góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của tỉnh Ninh Bình. Năm 2016, tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động ở mức cao là 3.06%. Năm 2023, tỷ lệ này giảm xuống còn 1,28%.

Hình 2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2016-2023 (%)



Nguồn: Cục Thống kê Ninh Bình

Hàng năm, căn cứ chỉ tiêu, quy mô đào tạo, các địa phương, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đẩy mạnh tổ chức tuyên truyền, tư vấn học nghề với nhiều hình thức giúp cho người lao động thay đổi tư duy nhận thức về công tác giáo dục nghề nghiệp, giải quyết việc làm, tăng thu nhập... Với lợi thế đó, từ năm 2020 đến 2022, có 54.406 người lao động ở các địa phương trên toàn tỉnh đã tham gia tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp (đạt 102 % kế hoạch giao). Trong đó, trình độ cao đẳng, trung cấp là 14.720 người; trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng là 39.686 người. Người lao động trên địa bàn được đào tạo tại

các trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh và các cơ sở khác tham gia hoạt động GDNN trong cả nước... Kết quả tuyển sinh đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh là 51.970 người, cao đẳng, trung cấp là 9.513 người, đào tạo sơ cấp và dưới 3 tháng là 42.457 người (trong đó, hộ khẩu trong tỉnh là 31.107 người). Tuyển sinh, đào tạo chủ yếu ở các ngành, nghề: công nghệ ô tô; kỹ thuật chế biến món ăn; vận hành máy thi công nền; kế toán doanh nghiệp; điện dân dụng; điện công nghiệp; kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; kỹ thuật xây dựng; hàn; cắt gọt

kim loại; lập trình máy tính; các nghề về du lịch, lái xe ô tô, lái phương tiện đường thủy...

Kết quả trên đã góp phần đưa tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn tỉnh từ 65% năm 2020 tăng lên 68% năm 2022. Cơ cấu ngành nghề đào tạo từng bước được điều chỉnh phù hợp với nhu cầu thị trường lao động và đóng vai trò quan trọng vào công tác giảm nghèo bền vững của tỉnh.

Năm 2023, toàn tỉnh Ninh Bình tuyển sinh 18.105 người, trong đó hệ cao đẳng và trung cấp là 5480 người, hệ sơ cấp và dưới 3 tháng là 12.625 người. Số lượng người học tốt nghiệp 17.605 người, trong đó hệ cao đẳng và trung cấp 4.980 người, sơ cấp và dưới 3 tháng 12.625 người (vượt 0,6% kế hoạch năm). Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 69%, tỷ lệ sinh viên sau khi tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp có việc làm tại doanh nghiệp bình quân hàng năm đạt 90%.

Trong những năm gần đây, tỉnh Ninh Bình tập trung đào tạo các ngành nghề mũi nhọn được 9.327 người ở trình độ cao đẳng, trung cấp. Cụ thể, nhóm nghề khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân là 2.266 người; nhóm nghề công nghệ ô tô là 2.070 người; nhóm nghề kỹ thuật chế tạo thiết bị cơ khí, cắt gọt kim loại, hàn, kỹ thuật điện, điện tử, điện công nghiệp, vận hành máy công nghiệp, máy xây dựng... là 4.991 người.

4.2.2. Về chất lượng

Với lợi thế có các trường trung ương đóng trên địa bàn nằm trong danh sách các trường đạt chất lượng cao trong toàn quốc và có 7 trường được Bộ LĐTBXH quan tâm đầu tư nghề trọng điểm. Trong thời gian qua, lĩnh vực GDNN trên địa bàn tỉnh đã đạt được những thành tích rất đáng khích lệ. Các cơ sở GDNN từng bước được củng cố, đầu tư nâng cấp; chất lượng đào tạo nghề được nâng cao, các ngành, nghề đào tạo bám sát nhu cầu thị trường lao động nên học sinh tốt nghiệp ra trường có việc làm đạt từ 70-80%. Công tác đào tạo nhân lực của tỉnh được đánh giá cao. Chỉ số thành phần đào tạo lao động trong chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Ninh Bình luôn nằm 10 địa phương đứng đầu của cả nước. Qua đó, công tác đào tạo nghề đã có những đóng góp tích cực trong việc cung ứng nguồn nhân lực trẻ có tay nghề, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4.2.3. Các hoạt động liên kết đào tạo nghề

Các cơ sở GDNN đã chủ động phối hợp, gắn kết với doanh nghiệp trong đào tạo và cung ứng lao động. Đến nay, các trường đã liên kết với khoảng hơn 70

doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, bình quân mỗi năm các trường cao đẳng, trung cấp đã ký kết đưa trên 700 học sinh, sinh viên đến thực tập và làm việc với các ngành nghề theo đúng nhu cầu của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh; đồng thời phối hợp chặt chẽ với doanh nghiệp trong việc xây dựng chương trình đào tạo, kết hợp cơ sở đào tạo của doanh nghiệp, sử dụng các chuyên gia, lao động kỹ thuật cao của doanh nghiệp để cùng nhà trường tham gia vào công tác đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn. Các doanh nghiệp luôn tạo điều kiện để học viên đến thực tập và tiếp nhận những học viên đáp ứng yêu cầu vào làm việc chính thức tại doanh nghiệp. Các hoạt động liên kết đào tạo đã giúp cho học sinh, sinh viên yên tâm học tập góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giải quyết việc làm, tạo môi trường làm việc phù hợp với ngành nghề đào tạo. Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp tham gia vào hoạt động dạy nghề chưa nhiều, mối quan hệ giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp chưa thường xuyên, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với hoạt động GDNN chưa được phân định rõ ràng; việc sử dụng lao động qua đào tạo của các doanh nghiệp chưa được quan tâm đúng mức.

4.2.4. Về kinh phí

Trong giai đoạn 2020-2022, nguồn lực đầu tư, phát triển GDNN tại các cơ sở GDNN được huy động, lồng ghép, sử dụng các nguồn lực từ nguồn kinh phí của Bộ ngành chủ quản, của các cơ sở đào tạo và các nguồn hỗ trợ khác. Tổng kinh phí được đầu tư vào công tác đào tạo nghề, GDNN là 460.522 triệu đồng. Trong đó:

+ Chia theo nguồn kinh phí: (1) Ngân sách nhà nước: 387.309 triệu đồng; (2) Nguồn xã hội hóa: 13.515 triệu đồng; (3) Nguồn huy động hợp pháp khác: 59.699 triệu đồng;

+ Chia theo đơn vị: (1) Các trường cao đẳng: 368.040 triệu đồng; (2) Các trường trung cấp: 79.242 triệu đồng; (3) Các trung tâm GDNN: 3.920 triệu đồng; (4) Cơ sở khác tham gia hoạt động GDNN: 9.320 triệu đồng;

4.3. Đánh giá hoạt động đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp ở Ninh Bình

Từ kết quả khảo sát của 901 lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, hiệu quả hoạt động đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp được xác định dựa trên rất nhiều tiêu chí. Qua phỏng vấn sâu, nhóm nghiên cứu đề xuất 3 tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Ninh Bình bao

gồm: (1) người học có thể tìm được việc đúng với ngành nghề sau khi kết thúc khóa học; (2) người học có thể sử dụng thành thạo các kỹ năng trong công việc và (3) người học có thể tự tạo việc làm cho bản thân. Theo kết quả khảo sát, hiệu quả đào tạo được các nhóm lao động thất nghiệp đánh giá thấp. Mức đánh giá bình quân về hiệu quả đào tạo nghề của nhóm lao động thất nghiệp do doanh nghiệp sa thải (cho nghỉ việc) 2,4566, nhóm lao động thất nghiệp do nhà nước thu hồi đất là 2,3546 và nhóm lao động xuất ngũ là 2,9366. Điều này cho thấy, hoạt động đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp ở Ninh Bình hiệu quả chưa cao, chưa đạt được mức trung bình. Trong đó, người học có thể tìm được việc đúng ngành nghề sau khi

kết thúc khóa học được đánh giá thấp nhất ở nhóm lao động bị mất đất với điểm bình quân là 2,5, sau đó đến nhóm lao động bị sa thải là 2,55 và cuối cùng là lao động xuất ngũ là 2,97. Người học có thể sử dụng thành thạo các kỹ năng trong công việc có mức đánh giá cao nhất là nhóm lao động xuất ngũ với điểm bình quân là 2,88, sau đó đến lao động bị doanh nghiệp sa thải là 2,35 và cuối cùng là nhóm lao động mất đất là 2,24. Trong khi đó, tiêu chí “Người học có thể tự tạo việc làm cho bản thân” có điểm đánh giá bình quân của nhóm lao động thất nghiệp bị mất đất cũng thấp nhất là 2,3 sau đó là nhóm lao động bị doanh nghiệp sa thải là 2,4 và cao nhất là 2,96 với nhóm lao động xuất ngũ.

Bảng 1. Đánh giá về hiệu quả đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp tại tỉnh Ninh Bình

	Lao động thất nghiệp do doanh nghiệp sa thải			Lao động thất nghiệp do nhà nước thu hồi đất nông nghiệp			Lao động xuất ngũ		
	Số lao động khảo sát	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Số lao động khảo sát	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn	Số lao động khảo sát	Trung bình	Độ lệch tiêu chuẩn
Người học có thể tìm được việc đúng ngành nghề sau khi kết thúc khóa học	305	2,55	0,605	292	2,50	0,758	304	2,97	0,623
Người học có thể sử dụng thành thạo các kỹ năng trong công việc	305	2,35	0,702	292	2,24	0,693	304	2,88	0,672
Người học có thể tự tạo việc làm cho bản thân	305	2,47	0,782	292	2,30	0,687	304	2,96	0,719
Hiệu quả đào tạo	305	2,4167	0,55977	292	2,3517	0,56051	304	2,9366	0,57051

Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu

Đối với người lao động sau khi được đào tạo nghề có thể thấy rõ sự biến chuyển trong kiến thức chuyên môn, kỹ năng làm việc, sự vận dụng kiến thức, hiệu suất làm việc và đặc biệt khả năng giảm sai sót tăng lên. Theo khảo sát, các doanh nghiệp đều đánh giá người lao động có sự thay đổi tích cực sau khi tham gia đào tạo. Cụ thể, tỷ lệ người lao động cải thiện về kiến thức chuyên môn là 41,0%; cải thiện nhiều và rất nhiều là 23,6%. Các kỹ năng làm việc được cải thiện sau đào tạo là 50,4%; có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng được cải thiện là 63,9%. Hiệu suất làm việc được cải thiện sau đào tạo là 67,4%. Khả năng mắc sai sót trong giải quyết công việc được cải thiện là 64,6%. Kết

quả khảo sát này cho thấy, vẫn còn có một số bộ phận người lao động không cải thiện được các kỹ năng sau khi tham gia các khóa đào tạo nghề của doanh nghiệp.

5. Kết luận

Triển khai các hoạt động đào tạo nghề là một trong những giải pháp giảm tỷ lệ thất nghiệp, nâng cao thu nhập cho người lao động nói chung và lao động thất nghiệp nói riêng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình vẫn còn có một số những hạn chế nhất định: (1) năng lực của một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu về đào tạo,

nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong cuộc cách mạng công nghiệp và sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay; tập trung ở các trung tâm GDNN; (2) Đội ngũ cán bộ quản lý cấp tỉnh còn thiếu. Cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp tại các địa phương chủ yếu là kiêm nhiệm, kinh nghiệm chưa nhiều nên dẫn đến việc triển khai công tác GDNN ở địa phương còn chậm; (3) Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện, nhất là công tác khảo sát nhu cầu, công tác hướng nghiệp, phân luồng chưa được thường xuyên dẫn đến kết quả phân luồng chưa đạt hiệu quả cao; (4) Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; việc mở rộng đầu vào, hạ thấp tiêu chí tuyển sinh các bậc học khác; trình độ học vấn tuyển sinh đầu vào của học sinh, sinh viên còn thấp, không đồng đều; tâm lý xã hội vẫn coi trọng về bằng cấp, chưa nhận thức đầy đủ về công tác giáo dục nghề nghiệp.

Khắc phục những hạn chế này, tỉnh Ninh Bình cần triển khai thực hiện một số giải pháp sau:

- Nâng cao vai trò của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình trên cương vị là cơ quan chủ trì, điều phối và chịu trách nhiệm chính trong việc triển khai các giải pháp đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh: xây dựng chiến lược đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp đảm bảo các tiêu chí nòng cốt như thực

tế, thực tiễn, tạo tác động xã hội lớn; xây dựng cơ chế, chính sách và ban hành, truyền thông rộng rãi toàn dân, toàn tỉnh; thực hiện tốt phối hợp liên ngành...

- Nâng cao vai trò thực thi, tổ chức triển khai của sở, ban, ngành tỉnh trong việc triển khai các giải pháp đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp trên địa bàn. Trong đó, Sở LĐTBXH tỉnh đóng vai trò trung tâm trong việc triển khai các giải pháp đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp tại địa phương.

- Nâng cao vai trò của cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh trong hoạt động liên kết đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp. Để hoạt động đào tạo nghề có hiệu quả, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cần khảo sát nhu cầu thị trường lao động/ doanh nghiệp trên địa bàn các huyện, thị; xác định rõ ràng và cụ thể nhu cầu học tập của lao động thất nghiệp trên địa bàn tỉnh để từ đó xây dựng nội dung chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động.

- Nâng cao vai trò của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong hoạt động liên kết đào tạo nghề cho lao động thất nghiệp và tạo việc làm bền vững: tham gia xây dựng chương trình đào tạo; tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp; hỗ trợ tài chính; thực hiện tuyển dụng người lao động đã qua đào tạo; xây dựng môi trường làm việc tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2022). *Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2022: Hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025*
- Cedefop. (2015). *Annual report 2014, Publications Office of the European Union*
- Chính phủ. (2022). *Nghị định số 24/2022/NĐ-CP Sửa đổi bổ sung các nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp*
- Chính phủ. (2023). *Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*
- Cầu, T.X & Chánh, M.Q. (2008). *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
- Hair, J.F., Anderson, R., Tatham, R.L., & Black, W.C. (2009). *Multivariate Data Analysis*, New York, NY: Macmillan
- Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình. (2020). *Nghị quyết số 105/NQ/-HĐND về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025*
- Quân, N.N & Điềm, N.V. (2012). *Giáo trình Quản trị nhân lực*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân
- Quốc hội. (2014). *Luật Giáo dục nghề nghiệp*, Luật số 74/2014/QH13, ngày 27 tháng 11 năm 2014
- Quốc hội. (2019). *Bộ Luật Lao động*. Bộ luật số 45/ 2019/ QH14, ngày 20 tháng 11 năm 2019
- Tổng cục Thống kê. (2022). *Niên giám thống kê Việt Nam 2021*
- Tổng cục Thống kê. (2023). *Quyết định về việc ban hành phương án Điều tra lao động và việc làm năm 2023, số 275-QĐ-TCTK, ngày 7 tháng 3 năm 2023*
- Rao. (1985). *Elements of Health Statistics*, India, R. Publication Varanasi
- Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình. (2023). *Kế hoạch số 121/KH-UBND về việc thực hiện Kế hoạch số 131/KH-TU ngày 29/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 21/ CT/TW ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*